

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2025.

*V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Ngọc Chiêm

2. Bà Nông Thị Giáp

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền Trang; Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025; thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 232/2025/TB-TA ngày 12 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị C, sinh năm 1982 (có mặt);

2. *Bị đơn:* Anh Lý Văn H, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Cùng trú tại: Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (nay là thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 5 năm 2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị C trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh H kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (nay là UBND xã X, tỉnh Thái Nguyên) năm 2009. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, cho đến năm 2023 vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột do anh H ghen tuông mù quáng. Từ năm 2023 đến nay, anh H thường xuyên đi uống rượu và về nhà đánh đập chị C, đã có lần chị C phải nhờ chính quyền địa phương can thiệp. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn chị C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

* Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lý Phương L, sinh ngày 27/7/2010. Sau khi ly hôn chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lý Văn H trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị C kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (nay là UBND xã X, tỉnh Thái Nguyên) năm 2009. Khi chung sống với nhau vợ chồng anh H không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Đến cuối năm 2024 vợ chồng anh H nảy sinh mâu thuẫn cãi cọ nhau nguyên nhân là do chị C có quan hệ ngoại tình với người khác. Anh H đã có lần được đánh chị C và chị C đã gọi trưởng thôn xuống giải quyết, lý do anh H đánh chị C là do chị C ngoại tình. Nay chị C có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh H xác định tình cảm không còn nhưng anh H không nhất trí ly hôn vì muốn chị C quay về để cùng nhau nuôi dạy con.

* Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lý Phương L, sinh ngày 27/7/2010. Trong trường hợp tòa án giải quyết cho ly hôn anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/ 01 tháng.

* Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 26 tháng 6 năm 2025, bà Đỗ Thị X - Trưởng thôn Nà Tân, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (nay là thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên), anh Hoàng Văn D - Tổ trưởng tổ an ninh thôn N và bà Lâm Thị T - Chi hội trưởng phụ nữ thôn N cho biết:

Bà X và các thành viên của tổ hòa giải thôn Nà T1 đã được đến nhà chị C để hòa giải mâu thuẫn giữa chị C và anh H 02 lần vào tháng 4 năm 2025 (bà X, anh D và bà T không nhớ chính xác ngày nào) theo đề nghị của chị C. Lần thứ nhất tổ hòa giải đến nhà chị C thì chị C trình bày với tổ hòa giải là đi làm về thì bị anh H đánh, anh H trình bày là do nhìn thấy người khác gọi điện cho vợ. Tổ hòa giải đã phân tích, hòa giải cho hai vợ chồng, do đã hòa giải thành nên không lập biên bản. Lần thứ hai cách lần thứ nhất khoảng mấy ngày sau (bà X, anh D và bà T không nhớ chính xác) tổ hòa giải đã đến nhà chị C làm việc, phân tích cho các bên nhưng không hòa giải được nên đã tiến hành lập biên bản và gửi biên bản gốc cho Công an xã C. Do đã nộp bản gốc cho Công an xã C và không có bản sao nên không cung cấp được biên bản cho Tòa án.

Tại biên bản xác minh ngày 26 tháng 6 năm 2025, ông Lý Văn T2 là trưởng ban mặt trận thôn N đồng thời là hàng xóm sát nhà anh H chị C cho biết:

Ông T2 và các thành viên tổ hòa giải thôn N đã được đến nhà chị C để hòa giải mâu thuẫn giữa chị C và anh H 02 lần vào tháng 4 năm 2025. Lần thứ nhất tổ hòa giải đến nhà chị C thì chị C trình bày với tổ hòa giải là đi làm về thì bị anh H đánh, anh H trình bày là do nhìn thấy người khác gọi điện cho vợ. Tổ hòa giải đã phân tích, hòa giải cho hai vợ chồng, do đã hòa giải thành nên không lập biên bản. Lần thứ hai không hòa giải được nên đã tiến hành lập biên bản và gửi Công an xã C giải quyết. Ngoài ra ông T2 cho biết ông T2 là hàng xóm sống sát nhà anh H chị C, ông T2 cũng thường thấy vợ chồng anh H chị C cãi nhau, to tiếng với nhau. Có lần chị C cũng sang nhà ông T2 báo với ông T2 là bị anh H dọa đánh và đánh chị C.

Tại đơn trình bày nguyện vọng và biên bản làm việc, cháu Lý Phương L trình bày:

Cháu L không muốn bố mẹ ly hôn, muốn bố mẹ quay về chung sống với nhau. Nhưng trong trường hợp bố mẹ ly hôn thì cháu L có nguyện vọng được sống cùng với mẹ.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị C. Chị Hoàng Thị C được ly hôn với anh Lý Văn H. Giao con chung Lý Phương L, sinh ngày 27/7/2010 cho chị Hoàng Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Lý Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung và nợ chung không xem xét do đương sự không yêu cầu giải quyết. Về án phí, chị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Hoàng Thị C có đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn anh Lý Văn H. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Lý Văn H cư trú tại thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (nay là thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên). Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung theo luật số 85/2025/QH15 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên.

Bị đơn anh Lý Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị C và anh Lý Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (nay là UBND xã X, tỉnh Thái Nguyên) vào năm 2009. Do vậy, quan hệ hôn nhân của chị C và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Hoàng Thị C: Căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được tại các biên bản xác minh ngày 26/6/2025 thấy rằng, quá trình chung sống vợ chồng chị C, anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh

H thừa nhận trong quá trình chung sống anh H có được đánh chị C, anh H cũng thừa nhận không còn tình cảm vợ chồng với chị C tuy nhiên anh H không nhất trí ly hôn, muốn chị C quay về chung sống với nhau để cùng nuôi dạy con. Anh H không có mặt tại phiên tòa theo triệu tập của Tòa án để cố gắng hàn gắn, thỏa thuận với chị C về việc đoàn tụ gia đình, anh H thể hiện việc thiếu cố gắng, thiện chí trong hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Tại phiên tòa chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh H. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để kết luận hôn nhân giữa chị C và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C.

[3] Về con chung: Anh Lý Văn H và chị Hoàng Thị C có 01 con chung tên là Lý Phương L, sinh ngày 27/7/2010. Ly hôn chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/ 01 tháng. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đơn trình bày nguyện vọng của cháu Lý Phương L nhận thấy: Chị C và anh H đều là lao động tự do, có thu có thu nhập, có chỗ ở ổn định và đều đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, chị C làm công việc gần nhà, có điều kiện để chăm sóc, giáo dục con, anh H hiện đang đi làm công nhân xa nhà nên việc trực tiếp chăm sóc, giáo dục con ít nhiều bị ảnh hưởng, hơn nữa nguyện vọng của cháu Lý Phương L là mong muốn được sống với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Căn cứ vào điều kiện kinh tế, khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của các bên, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, HĐXX xét thấy cần giao cháu Lý Phương L cho chị Hoàng Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của cháu L, điều kiện của các bên và phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hoàng Thị C không yêu cầu anh Lý Văn H cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Hoàng Thị C phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung theo luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị C được ly hôn với anh Lý Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Lý Phương L, sinh ngày 27/7/2010 cho chị Hoàng Thị C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh Lý Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Nghĩa vụ cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003698 ngày 13/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Thái Nguyên). Xác nhận chị C đã nộp đủ

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 8 - Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân Dương;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thanh Bình